

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH****ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2026/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung
của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 153/TTr-SNNMT ngày 04 tháng 02 năm 2026;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2026. Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 10/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành Quy định một số nội dung chi tiết về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG TRỊ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chi tiết một số nội dung của Luật Bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 20/2026/QĐ-UBND)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết điểm c khoản 5 Điều 51; điểm c khoản 6 Điều 52; khoản 6 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; điểm b khoản 6 Điều 52 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm d khoản 16 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; điểm c khoản 2 Điều 58 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 18 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Khuyến khích, tổ chức thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp

1. Dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được khuyến khích thực hiện xã hội hóa là công trình hạ tầng được quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 15 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15; khoản 1 Điều 52 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 16 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, đáp ứng đầy đủ các điều kiện hoạt động được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xác nhận.

2. Chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Được quyền lựa chọn hình thức, quy mô, địa bàn đầu tư phù hợp theo quy hoạch, trực tiếp kinh doanh, vận hành hoặc ủy thác kinh doanh, vận hành sản phẩm và các quyền khác theo quy định của pháp luật; được thực hiện đầu tư, kinh doanh các ngành nghề mà Luật Đầu tư không cấm, thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về thủ tục pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn, danh mục dự án đầu tư và các thông tin, số liệu cần thiết khác theo yêu cầu của nhà đầu tư trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Có nghĩa vụ tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, về đầu tư và các quy định pháp luật liên quan khác của Nhà nước; triển khai dự án đầu tư đúng quy hoạch, tiến độ, thời gian theo quy định của pháp luật.

3. Chủ đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 51 Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 15 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15, khoản 3 Điều 52 của Luật số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 16 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15, khoản 1 Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Quy định lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật số 72/2020/QH14 đang hoạt động trên địa bàn tỉnh không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người ban hành kèm theo Thông tư số 02/2025/TT-BTNMT phải rà soát, cải tiến công nghệ thân thiện môi trường, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng hoặc phải di dời cơ sở đến vị trí đáp ứng quy định

về khoảng cách an toàn môi trường và quy định pháp luật khác có liên quan nếu không cải tiến công nghệ thân thiện môi trường, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất để bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường hoặc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, kho tàng.

2. Lộ trình thực hiện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng quy định tại khoản 1 Điều này phải hoàn thành trước ngày 12 tháng 8 năm 2030.

Điều 6. Quy định lộ trình di dời dân cư sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp

1. Thực hiện di dời dân cư đang sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2. UBND cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện di dời dân cư đang sinh sống ra khỏi cụm công nghiệp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Điều 7. Bảo vệ môi trường nông thôn

1. Hình thành và hoàn thiện các phương thức thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với đặc thù của từng địa phương; bố trí và đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện môi trường và mỹ quan.

2. Cụm dân cư nông thôn phải có hệ thống thoát nước đảm bảo thoát nước chung của khu vực.

3. Khuyến khích trồng cây xanh tại các khu vực công cộng, tuyến đường giao thông nông thôn; gắn xây dựng cảnh quan với phát triển du lịch nông thôn và xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

4. Thực hiện lồng ghép các quy định bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong thực hiện tiêu chí, chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

5. Hoạt động xử lý chất thải, xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 141 Luật số 72/2020/QH14. Các công trình hạ tầng thiết yếu về bảo vệ môi trường nông thôn như hệ thống thu gom, xử lý chất thải (chất thải rắn và nước thải); hỗ trợ chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định hiện hành.

6. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom từ bể chứa tại các cánh đồng, khu vực lưu chứa được vận chuyển, chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định của quản lý chất thải nguy hại. Kinh phí thu gom, vận chuyển bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng từ bể chứa, khu vực lưu chứa, xử lý được thực hiện theo quy định.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Chủ trì hướng dẫn các thủ tục pháp lý lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường cho chủ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát đối với chủ đầu tư dự án trong việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Tổng hợp kết quả rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường, báo cáo, đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chủ trì hướng dẫn thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng chính sách quy định hoạt động chăn nuôi, quy định về chăn thả động vật nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường; phối hợp với các địa phương tuyên truyền, vận động các hộ sản xuất đầu tư máy móc thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới phương thức tổ chức sản xuất nhằm bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất của làng nghề.

5. Chủ trì hướng dẫn chi tiết việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Điều 8 Thông tư Liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

6. Phối hợp và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường ở các công trình thủy lợi, đê điều, bảo vệ tài nguyên rừng và các khu bảo tồn, cung cấp nước sạch ở vùng nông thôn, chống xói mòn đất; hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, sử dụng các loại phân bón, thuốc thú y, hóa chất trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh.

7. Chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã để tuyên truyền, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp: Quản lý giống cây trồng, giống vật nuôi biến đổi gen và sản phẩm của chúng, công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm rau, củ, quả; công tác vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm đối với các cơ sở chăn nuôi và cơ sở giết mổ động vật; thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về phát triển rừng và đa dạng sinh học.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Phối hợp xúc tiến, thu hút các đơn vị đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

3. Tổ chức kiểm tra tình hình đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp đối với các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Tham gia góp ý thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 trên địa bàn các xã, phường, đặc khu, trong đó lưu ý quy hoạch công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phù hợp với quy định.

2. Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động, điều kiện hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với chủ đầu tư dự án.

3. Phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các sở, ngành, địa phương, đơn vị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư dự án tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Căn cứ chủ trương đầu tư được phê duyệt, tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn đầu tư công các giai đoạn và hàng năm cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương

đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi, thẩm quyền được phân công tiếp nhận, giải quyết (các dự án thực hiện ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế, các dự án thực hiện đồng thời cả trong và ngoài Khu công nghiệp, Khu kinh tế); hướng dẫn, thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xử lý chất thải phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và đảm bảo đáp ứng các điều kiện, tiêu chí theo quy định.

3. Chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình, định hướng xúc tiến đầu tư hàng năm và trung hạn, dài hạn của tỉnh; trong đó, có nội dung thu hút đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thuộc nhiệm vụ chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành cho hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu, đề xuất nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

1. Thực hiện rà soát, đánh giá hạ tầng bảo vệ môi trường của các khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý; đề xuất danh mục dự án kêu gọi xã hội hóa các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết các thủ tục hành chính cho chủ đầu tư dự án; thực hiện đầy đủ các nội dung khuyến khích đối với việc đầu tư xây dựng, kinh doanh và vận hành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn chủ đầu tư dự án thực hiện các thủ tục về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, kiểm tra đối với chủ đầu tư dự án về tình hình sử dụng đất đúng mục đích, hiệu quả; kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 13. Trách nhiệm của Thuế tỉnh Quảng Trị, các Thuế cơ sở

Hướng dẫn thực hiện các ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường tại các khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức rà soát, phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đang hoạt động trên địa bàn không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư. Kết quả rà soát gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

2. Thông báo, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trên địa bàn lộ trình chuyển đổi áp dụng quy chuẩn xả thải, lộ trình di dời.

3. Kiểm tra, rà soát và tổ chức theo dõi, đánh giá khu vực ô nhiễm, khoanh vùng xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường; theo dõi diễn biến chất lượng môi trường khu vực nông thôn trên địa bàn quản lý.

4. Tập trung nghiên cứu và chỉ đạo tổ chức thực hiện đạt các chỉ tiêu, tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới theo lộ trình đề ra, góp phần thực hiện hiệu quả các nội dung bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án

1. Chủ đầu tư dự án khi lập dự án đầu tư để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ phải cam kết thực hiện đúng tiến độ và các tiêu chuẩn theo quy định. Báo cáo tiến độ triển khai dự án định kỳ hàng tháng, quý cho Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan theo quy định.

2. Phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc giải phóng mặt bằng và triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định.

3. Sau khi hoàn thành dự án đưa vào hoạt động, chủ đầu tư dự án phải gửi văn bản đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo dự án đã được xây dựng hoàn thành; đồng thời, gửi kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến dự án để cơ quan có thẩm quyền tổ chức kiểm tra việc đáp ứng điều kiện được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về đầu tư hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định.

4. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 47, Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

Điều 16. Tổ chức thi hành

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao tại Quy định này triển khai thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Quy định này gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 15 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc, cần sửa đổi, bổ sung Quy định, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có ý kiến, đề xuất gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.